

SỐ 1634

# LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA

Tác giả: Bồ-tát Kiên Ý

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Đại sư Đạo Thái.

## QUYỂN THƯỢNG

### I. PHẨM Ý NGHĨA

Nay giảng giải ý nghĩa của việc thể nhập Đại thừa.

Hỏi: Tại sao nói ý nghĩa của việc thể nhập Đại thừa?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn dứt trừ nguyên nhân đau khổ cho chúng sanh. Các người nên biết: Hoặc có người gần gũi tri thức ác, bị ác mê hoặc, chấp lệch lạc vào pháp của mình, chỉ đắm trước theo tà kiến, tư duy điên đảo, không hiểu được thực nghĩa, không tùy thuận trí Phật, phỉ báng thuyết của Thánh nhân. Kẻ phỉ báng thuyết bậc Thánh, tức hủy hoại chánh pháp; kẻ hủy hoại chánh pháp sẽ chịu tội báo lớn. Như Đức Thế Tôn nói, tội hủy báng chánh pháp nặng như tội ngũ nghịch ắt chịu khổ báo lâu dài trong các đường ác.

Kệ nói:

Lời bậc thật trí nói:  
Phỉ báng pháp Đại thừa,  
Nhất định đến cõi ác.  
Người này chịu nghiệp báo,  
Sinh đọa vào địa ngục,  
Lửa lớn thiêu cháy thân,

Đốt thiêu rất thống khổ.  
 Nghiệp báo tội như thế.  
 Lưỡi cày sắt hừng cháy,  
 Đủ cả năm trăm lần,  
 Cày trên lưỡi người đó,  
 Thân nát vụn khổ não.  
 Khi ra khỏi địa ngục,  
 Chịu những báo ác khác:  
 Các căn thường khiếm khuyết,  
 Mãi không nghe pháp âm.  
 Giả sử nghe được pháp,  
 Lại sanh hủy báng pháp,  
 Do nhân hủy báng pháp  
 Lại đọa vào địa ngục.

Những chúng sanh hủy báng pháp nghe trong pháp Đại thừa nói như vậy liền sanh tâm nghi ngờ, thắc mắc.

Tôn giả Đề-bà có kệ nói:

Những người có phúc mỏng  
 Không nên sanh tâm nghi  
 Người thường hay sanh nghi  
 Ất phá hoại các hữu.

Những người có sự nghi ngờ thì nên nghe chánh pháp. Khi đã nghe ý liền được hiểu và khai ngộ. Tâm được khai ngộ thì tâm tín liền sanh. Có tâm tín nên sanh hỷ lạc. Khi có hỷ lạc, cứ như vậy sanh tiếp Văn Tư Tu cho đến được thành tựu viên mãn Nhất thiết chủng trí.

Do hủy báng Đại thừa mà đọa vào cõi ác và cũng từ Đại thừa mà khởi lên những nghiệp thiện, tương tự như người do đất mà ngã nhưng cũng lại tựa vào đất mà đứng lên được. Lại nữa, nhân nơi trí hiểu biết mà hướng đến đạo Bồ-đề và cùng hòa hợp hiện hữu với chúng sanh, nếu tách rời chúng sanh ắt không có sự chứng đắc Bồ-đề. Từ cảnh giới chúng sanh mà xuất sanh sự giác ngộ của chư Phật. Tôn giả Long Thọ có kệ nói:

Chẳng từ hư không có  
 Cũng chẳng từ đất sanh  
 Chính từ trong phiền não  
 Chứng đắc đạo Bồ-đề.

Hỏi: Ngài nói khéo thể nhập vào luận Ma-ha-diễn, đạt được công đức như vậy. Thế nào là Ma-ha-diễn?

Đáp: Ở trong tạng Bồ-tát gọi là Ma-ha-diễn.

Hỏi: Đức Phật há không thuyết giảng ba thừa, cũng là nói về Ma-ha-diễn đó sao?

Đáp: Đúng vậy, trong Đại thừa cũng nói ba thừa tức gọi là ba tạng.

Như trong kinh Bồ-tát tạng nói: Phật dạy vua A-xà-thế: Tộc tính tử! Tạng có ba loại, đó là: Tạng Thanh văn, tạng Bích-chi Phật và tạng Bồ-tát. Tộc tính tử! Không phải lấy thừa Thanh văn mà gọi là ba tạng; cũng không lấy thừa Bích-chi Phật gọi là ba tạng, chỉ chỗ học Đại thừa của các Bồ-tát được gọi là ba tạng. Vì sao? Phàm người thuyết pháp, đầy đủ ba thừa gọi là ba tạng. Do Bồ-tát thuyết pháp có thể gồm đủ ba thừa do đó Ta nói là ba tạng.

Tộc tính tử! Người học có ba bậc: học Thanh văn, học Bích-chi Phật và học Bồ-tát. Người học thừa Thanh văn không học thừa Bích-chi Phật. Vì sao vậy? Không phải là chỗ lãnh hội. Người học thừa Bích-chi Phật không học thừa Bồ-tát. Vì sao? Cũng không phải chỗ lãnh hội. Tộc tính tử! Chỉ có bậc Bồ-tát, tuy học thừa Thanh văn, thừa Bích-chi Phật nhưng không chứng đạo Thanh văn, cũng không chứng đạo Bích-chi Phật. Bậc học thừa Bồ-tát biết rõ pháp hạnh của Bồ-tát, thường vui tùy thuận. Do ý nghĩa này nên thừa Bồ-tát được gọi là ba tạng, không phải nói thừa Thanh văn hay thừa Bích-chi Phật. Trong những kinh khác đã phân biệt đầy đủ nên nay Tôi chỉ lược thuyết.

Như ý ông nói: Không có ba tạng, tức là nay ông chỉ lấy kinh Tăng nhất A-hàm, kinh Trung A-hàm, kinh Trường A-hàm, kinh Tạp A-hàm với trăm nghìn bài kệ gọi là một tạng. Tỳ-ni, A-tỳ-đàm với hai trăm nghìn bài kệ gọi là hai tạng. Tu tập đầy đủ trọn hết gọi là ba tạng.

Nếu kể như vậy cũng không thể gọi là ba tạng. Vì sao? Vì có lỗi cho những kinh khác không phải là do Phật thuyết. Lỗi ấy thế này: Nếu A-hàm, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm cũng như chính gọi là ba tạng thì những kinh khác như: Tạp Tạng, Kinh Xá Đầu La, Kinh Thai, Kinh Gián Vương Bốn Sanh, Nhân Duyên Bích Chi Phật v.v... kể như vậy đến tám vạn bốn ngàn tạng pháp mà Tôn giả A-nan đã theo Phật thọ trì, tất cả đều có lỗi không phải lời Phật dạy. Nếu không có lỗi này, thì biết tất cả đều là Phật thuyết; những lời Phật thuyết như thế nếu đều gọi là tạng thì có đến trăm ngàn tạng. Do đó lời ông nói là ba tạng đã tự hủy bỏ. Hơn nữa lại còn có những pháp Tôn giả A-nan không thọ trì, nghĩa là:

Sau ngày Phật thành đạo hai mươi năm, ở trong Tăng chúng Phật tự nói: Tuổi Ta đã cao, cần người thị giả, ai có thể làm thị giả cho Ta

hãy nói ra.

Lúc ấy đại chúng thuận ý cử Tôn giả A-nan làm thị giả cho Phật. Tôn giả A-nan bèn thưa cùng các vị đồng phạm hạnh: “Đức Như Lai có đủ tám vạn bốn ngàn pháp, con nay có thể thọ trì hết. Duy trong hai mươi năm trước, những pháp do hai vị Tỳ-kheo thọ trì con đều không rõ”. Do ý nghĩa này, phải biết những điều Tôn giả A-nan đã thọ trì không gọi là đa văn. Trong những pháp Phật thuyết giảng, thật có những pháp Tôn giả A-nan không thể đảm nhận làm pháp khí. Nơi kinh Trung A-hàm nói: Thích-đề-hoàn-nhân nói với Uất-đa-la: “Tôn giả, tôi được trí tha tâm, thấy được tất cả chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề không ai có thể thọ trì hết được pháp Phật chỉ trừ Tôn giả. Những người khác thì không có khả năng”. Căn cứ vào nhân duyên này nên biết Tôn giả A-nan không thọ trì hết tất cả pháp của Phật. Đệ tử Thanh văn và Tôn giả A-nan không thể đảm nhận làm pháp khí. Những kinh Đại thừa đã giảng rộng đầy đủ. Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật nói với Thiên tử Tịnh Nguyệt Tạng: Pháp mà A-nan thọ trì còn thiếu sót không đủ, còn vô lượng pháp A-nan chưa thọ trì. Pháp của ta nhận biết là trăm ngàn ức phần, pháp đã giảng nói chưa đến một phần. Pháp ta đã giảng nói ra, A-nan chưa thọ trì được một phần của trăm ngàn ức phần. Nay Thiện nam! Trong một ngày một đêm, mười phương thế giới các vị Phạm, Thích, Tứ thiên vương, Thiên, Long, Dạ-xoa, Kiền-thất-bà, và các Bồ-tát, tất cả đều đến nghe ta thuyết về Tu-đa-la trí tuệ, kệ tụng chương cú, các Ba-la-mật mà chúng sanh cần được thực hành, cùng thuyết về thừa Thanh văn thừa Bích-chi Phật, chán lìa sanh tử, khen ngợi Niết-bàn, đầy đủ các Ba-la-mật, cho đến thuyết giảng rộng cho những thiên tử. Giả sử người nhiều như số bụi của cả cõi Diêm-phù-đề này đều đa văn trí tuệ như A-nan, cũng không thể thọ trì hết một phần trong trăm ngàn ức phần ta đã giảng nói một ngày, một đêm. Cho đến, nhiều như số bụi của mười phương thế giới đều đa văn và trí tuệ như ông A-nan cũng không thể thọ trì hết”. Trong rất nhiều kinh khác cũng nói như vậy: Tôn giả A-nan không thể thọ nhận làm bậc pháp khí đầy đủ. Với ý nghĩa này thì biết Tôn giả A-nan không thể thọ trì hết tất cả pháp của Phật.

Hỏi: Không phải Đức Thế Tôn đã nói A-nan là đa văn đệ nhất đó sao?

Đáp: Đức Phật ở trong chúng Thanh văn tạm nói A-nan là đa văn bậc nhất, không phải là đối với Bồ-tát. Lại nữa, các ông đối với pháp được ghi nhận của A-nan hãy còn chưa lãnh hội đầy đủ, hướng chi là

đối với Đại thừa gồm đủ các nghĩa sâu xa! Ý ông nếu cho thừa Thanh văn là Đại thừa thì sự việc không phải như vậy. Vì sao? Vì nhân quả khác nhau. Nếu nhân của thừa Thanh văn so với nhân của Đại thừa mà không khác, thì quả cũng phải không khác. Nhưng hiện thấy quả khác, nên biết nhân cũng khác. Vì sao? Vì người học Thanh văn chỉ đoạn trừ chướng, kiết, quán xét hành vô thường, nghe pháp từ người khác. Còn chỗ đoạn trừ của Bồ-tát là các tập khí vi tế, cho đến quán tất cả các pháp rốt ráo là “không”, không từ người khác nghe pháp, đạt được Trí tự nhiên, Trí vô sư. Do ý nghĩa ấy, không thể cho thừa Thanh văn đồng với Đại thừa.

Hỏi: Đức Phật há không nói giải thoát là không khác nhau đó sao?

Đáp: Giải thoát của bậc Thanh văn có thể khiến núi Tu di v.v... thấy đều cúi mình quay hướng về đạo tràng. Ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, hàng chục chúng ma trong vòng tám mươi do tuần hay không? Giải thoát của bậc Bồ-tát thì làm được như vậy. Do ý nghĩa này, trong các kinh khác Phật dạy: Tướng của giải thoát tuy không khác, nhưng lớn và nhỏ thật có khác biệt. Cũng như sâu gặm trong hạt cải thành chỗ trống không, tuy cũng gọi là không nhưng so với khoảng không trong thế giới, sao có thể gọi là một được? Khoảng không tuy là một nhưng lớn nhỏ có khác. Lại nữa cũng như lửa đom đóm so với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, cũng như muối mòng so với Kim-sí-điều v.v... Như Tỳ-kheo Bà-lưu-chi thuyết kệ Phật bốn hạnh:

*Tất cả những ánh sáng  
Đèn sáng với ánh chớp  
Sao, trăng chiếu khác nhau  
Mặt trời sáng thứ nhất  
Các cầm thú bay chạy  
Ruồi muỗi kiến và ong,  
Chim bay mỗi, mỗi khác  
Khác xa Kim-sí-điều.*

Như vậy, tuy có chút tương tự nhưng lớn, nhỏ có khác biệt, nên biết: Nhân đã khác nhau, quả lại có thể đồng sao? Ông nói giải thoát không khác mà quán sát như vậy thì biết giải thoát không đồng nhau. Giải thoát ở bậc Thanh văn gọi là giải thoát ái tận không phải là giải thoát tất cả. Chỉ vì chúng sanh căn độn ít trí, nên tạm phân biệt mà nói. Giải thoát ở bậc Đại thừa là đoạn phiền não tập khí, tất cả đều tận, rộng phân biệt nói vì bậc Bồ-tát lợi căn. Như ông nói: Giải thoát của Thanh

vấn tức giải thoát của Đại thừa, điều này có sai lỗi, vì nếu vậy thì Như Lai không phải là bậc Nhất thiết chủng trí sao? Như lúc Phật có bệnh nhẹ, khiến Tôn giả Mục-liên đến chỗ ông Kỳ-cúc lấy thuốc. Lúc đó Kỳ-cúc đã mất bảy ngày, sanh lên cõi trời Đao-lợi. Tôn giả Mục-liên liền đi tới cõi trời ấy. Khi ấy Kỳ-cúc mới vào hậu viên, Mục-liên bèn hỏi: Như Lai có chút bệnh, nên dùng thuốc gì? Đáp: Dùng sữa Tô. Thân Như Lai là thân Kim Cang, tất cả nghiệp ác đã diệt hết sao lại có bệnh được mà hỏi Kỳ-cúc?

Như Tỳ-kheo Ba-câu-la, nơi chín mươi kiếp trước cho người đồng phạm hạnh một quả thuốc mà trong chín mươi kiếp thân thường không bệnh. Nơi thân sau cùng, tuổi đến tám mươi, lúc đầu cũng không bệnh nhẹ. Chính do nhân duyên bố thí nhỏ là một quả Ha-ba-lê-lặc ấy mà được không bệnh, huống gì Đức Như Lai trong ức trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ kiếp đều hành đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, hoàn bị các công đức cho đến cắt chân, tay, tủy não máu thịt nơi thân mình thí cho người bệnh, với nhân duyên ấy mà có bệnh sao!

Như kinh đã dạy, Như Lai ứng hiện không phải là Nhất thiết trí. Như có lần Như Lai vào thành khất thực đem bát không trở về, vì muốn độ ông Đề-bà-đạt-đa, khiến cho xuất gia... Như trong Kinh Khô Thụ nói khi thấy đám lửa lớn, lúc đó một số Tỳ-kheo liền sanh tâm thối thất. Để độ Mã-sư, Mãn Túc, thường hay mắng trách Bà-la-môn, Đoạt lại xà, Tát-già-ni-kiền, Tôn-đà-lợi v.v... Trong chín mươi ngày Phật ăn lúa của ngựa; để độ Mục-liên, Xá-lợi-phất . Phật vào lò gốm... và những việc tương tự như vậy... Hoặc ý ông nói là nghiệp còn sót lại. Điều này cũng không phải. Vì sao? Như Lai đã tận diệt điều ác, đầy đủ hết thấy vô lượng công đức, nếu nói còn sót nghiệp ác tức là lỗi lớn. Ông không từng nghe trong các kinh nói: Như Lai đã vĩnh viễn dứt trừ mọi thứ phiền não, kiết tập của nghiệp hay sao?

Như Ma-đà-già-ly có kệ khen:

*Mọi kiết sử đã tận,  
Chỉ có bậc cứu đời,  
Đầy đủ Nhất thiết trí,  
Viên thành mọi công đức.*

Tập có ba loại là: Tập nghiệp, tập phiền não và tập uy nghi. Ba loại tập này Như Lai đã vĩnh viễn dứt hết. Do nhân duyên ấy mà nói còn dư nghiệp tức ông mắc lỗi quá lớn. Nếu ông nói đó là phương tiện thì cũng không phải. Vì sao? Ý ông trước đã nói thân Phật là thật. Không nói phương tiện và ứng hóa. Ông thường nói thân Phật là một, sao lại có

phương tiện ứng hóa. Ông xem trong kinh nào có nói đến phương tiện và ứng hóa? Trong kinh các ông chỉ nói có thân hậu biên, không có các thân khác như pháp thân và thân phương tiện ứng hóa. Trong kinh Thập trụ của chúng tôi nói có Pháp thân không đồng với thân phương tiện ứng hóa. Do đó trong kinh Đại thừa nói Phật là Bạc Nhất thiết trí thì không sai, còn trong kinh Tiểu thừa nói Phật là Bạc Nhất thiết trí thì rất sai. Nếu ông nói thừa Thanh-văn tức là Đại thừa thì không đúng. Đại thừa có sự sai biệt so với thừa Thanh-văn về mặt rộng lớn. Nếu ý ông nói trong thừa Thanh văn có hiển thị Đại thừa thì cũng không đúng. Vì sao? Về lý trái nhau. Thừa Thanh văn nghe pháp từ đối tượng bên ngoài. Thừa của các Bạc Đại Tiên nối dòng Tam bảo để không đứt đoạn như vật báu lưu ly không phải xuất ra từ thủy tinh, do thể sai khác nhau.

Do đó Đại thừa thật vi diệu rất sâu xa, tâm Đại thừa rộng lớn. Bạc Bồ-tát Ma-ha-tát theo thứ tự tu học từ Bạc sơ địa đến địa thứ mười, đầy đủ tất cả công đức trí nghiệp. Vậy nên Phật nói là thừa Ma-ha-diễn. Nếu nói thừa Thanh-văn là từ thừa Ma-ha-diễn mà ra thì còn có lý. Cũng vì thế, Bạc Bồ-tát tu học mười địa đầy đủ các hạnh Ba-la-mật có thể sanh ra các pháp thiện của ba thừa.

Như Kinh Thập Địa nói: Bồ-tát Kim Cang tạng nói nói Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt: Phật tử! Ví như tự (chữ) chương lấy chữ làm gốc làm đầu. Tất cả văn tự đều xuất ra từ gốc của chữ. Phật tử! Như tất cả pháp Phật cũng lại như vậy, đều lấy Địa làm đầu, từ nơi Địa mà đạt đến cứu cánh, thành tựu trí tự nhiên, do vậy Đại thừa được gọi là: rất sâu xa, sanh ra tất cả công đức của Thanh văn, không thể nói Tiểu thừa có thể sanh ra Đại thừa được. Phật dạy mười địa cũng như vàng tự lại đầy đủ không thất thoát, tại sao không thọ trì? Đức Như Lai lấy lực Từ bi, vì người độn căn mà nói thừa Thanh văn để các ông tin và thọ trì, các ông lại tự thiên chấp, chỉ thọ hành pháp nhỏ, không tin vào Đại thừa chính giáo bình đẳng. Do vậy nên biết, Phật nói Đại thừa gọi là pháp thù thắng an lành đệ nhất.

Hỏi: Xưa, Thế Tôn có dạy: “Sau khi Ta diệt độ vào đời vị lai sẽ có nhiều chúng sanh khởi tranh luận nói điều này là Phật dạy, điều này không phải là Phật dạy. Do vậy Như Lai dùng pháp ấn để ấn định các pháp. Nếu nghĩa nhập nơi Tu-đa-la, thuận theo Tỳ-ni, không trái với pháp tướng, thì đó là Phật thuyết”. Có phải như vậy không?

Đáp: Phật cũng không nói, thừa Thanh-văn không phải ta nói, cho đến Bồ-tát Đại thừa cũng vậy. Phật dạy không có khác, dùng pháp ấn ấn định, đồng nhất một tướng. Còn ông nói nhập vào, là nghĩa vào Tu-

đa-la, là vào bằng văn tự sao? Nếu dùng văn tự mà vào thì không đúng. Vì sao? Vì Mười hai bộ kinh, tất cả văn kệ, chương, câu, đoạn văn mỗi mỗi đều khác biệt. Vậy nên hiểu không phải vào bằng văn tự. Nếu lấy nghĩa vào thì lý không trái, nếu nghĩa ấy thuận với nghĩa của Tu-đa-la, tương ứng với pháp tướng thì ý nghĩa hiển hiện, đấy gọi là thuận Tu-đa-la. Nếu hiển thị pháp Thanh-văn gọi là thừa Thanh-văn tùy thuận vào Tu-đa-la. Nếu hiển thị pháp Bích-chi Phật gọi là thừa Bích-chi Phật tùy thuận vào Tu-đa-la.

Nếu hiển thị pháp Bồ-tát, gọi là thừa Bồ-tát tùy thuận vào Tu-đa-la.

Nếu tôi hiển thị công đức của mười địa, làm tỏ hạnh Bồ-tát thì gọi là chân thuyết, tùy thuận vào Đại thừa. Chỉ vì ý ông thiên lệch chỉ nói vào ba tạng Tiểu thừa. Trong ba tạng Đại thừa tôi đã nói vào, do đó Ba tạng tức là Đại thừa. Vì sao? Trong mười hai bộ loại kinh văn nói Tỳ-phật-lược (Phương Quảng) tức là Đại thừa. Như kinh Trung A-hàm nói: Thế nào gọi là Tỳ-kheo? Là vì biết pháp có thể giải rõ mười hai bộ loại kinh văn, từ Tu-đa-la cho đến Ưu-ba-đề-xá. Tỳ-phật-lược là Ma-ha-diễn (Đại thừa). Vì sao? Kinh Tỳ-phật-lược nói: Vì các chúng sanh dạy pháp tu đối trị nên gọi là Tỳ-phật-lược, cũng có nhiều thừa nên gọi là Tỳ-phật-lược, cũng là đầy đủ nhiều trang nghiêm nên gọi là Tỳ-phật-lược, cũng là chỗ có thể sanh ra vô lượng quả báo lớn nên gọi là Tỳ-phật-lược, là chỗ không thể lường xét, không thể hiểu đến được nên gọi là Tỳ-phật-lược. Vì trừ đoạn tất cả những tà kiến nên gọi là Tỳ-phật-lược. Nếu ý ông nói trong pháp Thanh-văn giảng rộng Tu-đa-la, kệ tụng, câu văn chương đoạn cũng gọi là Tỳ-phật-lược thì điều này không đúng. Vì sao? Ông căn cứ kinh A-hàm nói là Tỳ-phật-lược, chỉ là ngôn ngữ. Nếu chỉ là ngôn ngữ thì không đáng tin. Nếu trong kinh A-hàm có ý nghĩa này thì trong chương nào, câu nào vì Thanh-văn nói Tỳ-phật-lược. Nếu không có câu văn nào nói thì nên hiểu là Tỳ-phật-lược là để hiển pháp Đại thừa, không phải nói với Thanh-văn Tiểu thừa.

Trong thừa Thanh-văn, chỗ nói trong một bộ kinh trọn không đến trăm ngàn kệ tán và văn cú, huống nữa là có thuyết rộng muôn ức. Đức Thế Tôn Như Lai dạy Bạc Thanh-văn, chỉ dạy vô thường, khiến chán sanh tử, khiến biết rõ gốc khổ, chóng cầu Niết-bàn. Từ đầu như vậy cho đến phụng hành, câu vị ít ỏi không có ý nghĩa rộng lớn và sâu xa.

Kinh Đại thừa nói về việc Bồ-tát làm rất sâu rộng, như Kinh Đại Dụ, Kinh Hiền Kiếp Tam Muội, Kinh Giải Thoát, Kinh Hoa Thủ... những kinh như vậy đều là Ma-ha-diễn, đều gọi là Tỳ-phật-lược. Như trong



Kinh Kiết Giải Thoát, Thiện Tài đồng tử đến chỗ thiện trí thức Tỳ-kheo Hải Tràng, trong mười hai năm nhập Tam muội Đại hải, sau bạch với Hải Tràng: Pháp Tam-muội này, sâu rộng vô biên, còn có pháp môn nào lớn như pháp môn Tam-muội này hay không? Nói vừa xong, ngay trong Tam muội Đại hải, thấy một hoa sen lớn, từ trong hoa sen, đức Phật hiện ra dùng tay phải xoa đầu Hải Tràng khen: Lành thay! Lành thay! Nay Thiện nam! Lại còn pháp môn Phổ Nhãn, ông nên thọ trì. Tức thì Tỳ-kheo Hải Tràng thọ trì tất cả văn cú của pháp môn Phổ Nhãn thứ lớp, vì người khác giảng rộng, bảo Thiện tài: Thiện nam! Ta trong khoảng một sát na có thể thọ trì pháp môn Phổ nhãn. Nếu dùng hết nước biển lớn để mài mực, giấy vở chất đầy như núi Tu di, tất cả cây cối trong thiên hạ làm bút, chúng sanh nơi nước, đất liền trong Tam thiên thế giới làm thầy viết những pháp môn được thọ trì trong khoảng một sát na ấy thì trong trăm ngàn phần chưa viết hết một phần huống gì là những điều thọ nhận trong một ngày một đêm, cho đến thọ nhận trong mười hai năm, nghĩa trọng yếu, phần lớn là hết sức sâu xa, vô lượng vô biên. Đồng tử Thiện Tài ở nơi một bậc thiện trí thức, từ chỗ nghe pháp đã có thể là vô lượng vô biên quá ức ngàn số pháp như vậy, huống gì đến tham vấn học hỏi một bên chư Phật nhiều như vi trần thế giới chư Phật và thọ giáo pháp ở các thiện trí thức.

Từ nhân duyên này nên đầy đủ Đại thừa, gọi là Tỳ-phật-lược. Vô lượng vô biên không phải là của Thanh-văn chăng? Ý nghĩa này rất sâu xa, do đó tất cả các pháp môn tu hành của Thanh văn đều nhập vào đạo Ma-ha-diễn mới là tốt đẹp tối thượng. Đó gọi là ý nghĩa tùy thuận Tu-đa-la.

Nay lại nói sự tùy thuận Tỳ-ni. Ba thừa Thánh đạo đều nhằm đoạn trừ tham dục, sân hận ngu si gọi là Tỳ-ni. Tu-đa-la là phân biệt nhân quả, A-Tỳ-đàm là phân biệt pháp tướng và cũng để đoạn phiền não. Ma-ha-diễn cũng nói là đoạn trừ phiền não tham dục, sân hận, ngu si và tất cả pháp ác.

Phật dạy bậc Thanh-văn làm thanh tịnh ba nghiệp xong thì gọi là Tỳ-ni. Với bậc Bồ-tát thì dạy làm thanh tịnh ba nghiệp xong, cho đến thành Phật, đầy đủ tất cả Thi-la Ba-la-mật cho chúng sanh, giới Bồ-tát thọ trì là tự tánh giới, phát tâm Bồ-đề thành tựu quả chân thật. Do vậy mà biết Ma-ha-diễn tùy thuận theo Tỳ-ni, không trái với pháp tướng. Kinh của ba thừa nói đều không trái mười hai nhân duyên. Đại thừa cũng không trái mười hai nhân duyên. Nếu khéo quán sát sẽ nhận biết Đại thừa tức là ba Pháp ấn. Nếu không khéo quán sát thì không thấy có

Đại thừa và cũng không đủ ba thừa. Nếu phỉ báng Ma-ha-diễn thì đó là tội rất nặng. Nay nếu ông nói: “Đó là lời Ma nói, Phật không nói điều ấy, rõ ràng trong các kinh thật không có lời này. Nếu chỉ những lời từ kim khẩu Phật nói mới là Đại thừa thì lời nói của Ma ấy trọn không thể tin. Hoặc ý ông cho rằng lời Phật thuyết ấy cũng như trong thân Sư tử sanh ra trùng, trùng này trở lại đục khoét ăn thịt Sư tử, thì ba thừa đều như vậy, không riêng gì Đại thừa? Do đấy, Ma-ha-diễn không phải là chỗ Ma đạt đến, chỉ, duy nhất khả năng Phật mới nói được.

Hỏi: Ông không phải là Ma thuyết, tôi là Ma thuyết sao?

Đáp: Tôi và ông đều không phải là Ma thuyết vậy.

Hỏi: Nếu nói tôi và ông đều không phải Ma, thuyết thế thì cái gì nói là ma thuyết tức phải ngăn chặn.

Đáp: Pháp Đại thừa của tôi làm lợi cho chúng sanh thuận với pháp tướng nên có nhiều ma sự. Vì thế trong pháp Đại thừa Đức Như Lai đã dạy ngăn dứt ma. Còn pháp Tiểu thừa của ông chỉ có thể tự độ nên Ma không nhiều hại, đâu cần ngăn chặn.

Vì thế, Như Lai đã dạy trong Kinh Pháp Hoa và Kinh Bát-nhã: Vào đời vị lai có nhiều chúng sanh khởi tâm đố kỵ, nên phải ngăn chặn những phỉ báng kéo đọa vào cõi ác. Những điều ông tụng tập thì trong bộ kinh nào có nói Ma-ha-diễn là thuyết của Ma, nếu trong kinh không nói mà ông tự nói thì không thể tin.

Hoặc ý ông cho rằng trong pháp Thanh-văn cũng có pháp ngăn dứt, nhưng đã diệt lâu rồi, điều này khó có chứng cứ và cũng không phải. Vì sao? Vì không có xứ sở.

Giả như cần ngăn dứt, Phật đã dùng thần lực giữ gìn pháp này qua nhiều kiếp không bị mai một, mất đi. Do vậy đủ biết ông nói “lâu rồi” chỉ là lời nói. Giả như là lời Ma nói nhưng nếu có thể trừ chướng, hoặc, không trái với chánh pháp, thì tuy là Ma nói nhưng là chánh pháp, so với lời Phật dạy không khác biệt. Vì sao? Như điều Phật dạy: “Hãy y theo pháp, đừng nương theo người”. Vì vậy, nay tôi chỉ theo chính lý, không theo danh tự. Và lại chỗ mong cầu của chúng ta là diệt được trí chướng và phiền não chướng. Nếu Đức Thế Tôn là Ma thực, trọn không thể nói pháp Bồ-tát. Vì sao? Vì Ma không thể biết là Bồ-tát từ thiền định phát sanh Văn, Tư, Tu tuệ, nhằm chán xa lìa các dục và các pháp ác bất thiện, ý nghĩa của Đại thừa, ấy chỉ có Phật mới có thể nói thứ lớp như vậy, từ sơ địa cho đến địa thứ mười, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, định diệt thọ tưởng, tâm Bồ-đề, các Ba-la-mật, pháp phương tiện tùy nghi thành thực để thâm phục chúng sanh, mười

đạo thiện, giới văn trí tuệ, không phóng dật, lia tám pháp thế gian, tám Thánh đạo, chuyển pháp luân, kiên trì đầu đà, gồm đủ công đức, khổ, không, vô thường vô ngã, tịch diệt, mười hai nhân duyên, xuất nhập các thiền, ba môn giải thoát, các Đà-la-ni, ba mươi bảy pháp phẩm trợ đạo, những môn thần thông, bốn biện tài, thật đế, thiền trí hai luân để tự trang nghiêm, mọi sự hòa hợp, các pháp diệu dụng tự tại ở cả trong sanh tử và Niết-bàn, không lia bỏ sanh tử, cũng không hướng về Niết-bàn, tâm thường chán sự ác, quán chính các địa, xa lìa các địa, không theo địa Thanh-văn, Bích-chi Phật, làm tịnh các cõi Phật, pháp nhãn tùy thuận, pháp nhãn vô sanh, bất thoái chuyển địa, thọ chính vị địa, lực, vô úy, pháp bất cộng, pháp thân tướng hảo vì chúng sanh nên trụ ở cõi sanh tử, thuận chuyển và quyết định chuyển, thuận theo không chuyển và quyết định không chuyển... các pháp Phật dạy như vậy, các pháp nhân quả thứ lớp, pháp bất cộng, pháp phi giác, các pháp này ma không thể nói vì không phải là cảnh giới của ma. Nên trong bốn loại: Ma, nếu cho Ấm ma nói thuyết này thì tôi trọn không nói Phật có thân ấm.

Lại nữa nếu thực là ma nói, như lời này thì Bồ-tát Di Lặc nói cũng nên ngăn chặn: Lại như có Tôn giả Tân-đầu-lô, Tôn giả La-hầu-la như vậy đến mười sáu vị đại Thanh văn đều ở rải rác các khu bãi nhỏ. Trong các kinh khác cũng có nói: Có chín mươi chín ức đại A-la-hán đều ở trước Phật, nguyện giữ mệnh thọ để hộ trì pháp. Ở phương Đông vùng Phất-ba-đề, vùng lúa mạch, vùng lúa tẻ, vùng Sư tử cõi Diêm-phù, cõi Đại Diêm-phù, xứ Bạt-đề-lê-già, Kế-tân cho đến ao lớn A-nậu, các bậc Hiền Thánh đều trụ thế để bảo vệ pháp Phật. Nếu nói Ma-ha-diễn do ma thuyết, ắt đây là đại họa của pháp Phật, các bậc Hiền Thánh, tất cả đều nên ngăn dứt. Do vậy nên biết nói Ma thuyết đều là vọng ngữ vu khống không căn cứ.

Hơn nữa các vị đại Bồ-tát, các bậc Hiền Thánh, tất cả đều hỗ trợ Đại thừa, là Ma-ha-diễn, nối tiếp hạt giống Tam bảo không để đoạn dứt. Hỏi: Như Ngài vừa nói, nếu Ma-ha-diễn là hạt giống Tam bảo được Bồ-tát và Thanh-văn ủng hộ thì nay đối với kẻ phỉ báng Đại thừa tại sao không ngăn chặn, để cho họ không bị đọa địa ngục, không vào cõi ác đạo mà cũng không hủy hoại pháp Phật?

Đáp: Nghiệp báo quyết định không thể trừ dứt. Nghiệp có hai loại, một là: quyết định tăng trưởng, hai là: quyết định thọ báo. Bởi là nghiệp quyết định nên Bồ-tát Thanh-văn và Hiền Thánh không có thể trừ diệt. Nghiệp ác đã tạo tác quyết định phải có thọ báo, không thể cứu ngăn.

Ví như Tỳ-kheo Cù-già-ly phỉ báng kinh Đại thừa là do Ma nói, phải biết người này ắt phải bị đọa địa ngục không thể cứu được.

Hỏi: Ông nói báng bỏ Đại thừa sẽ vào đường ác cũng chính là nói thô ác, tôi chưa tin được.

Đáp: Ông nói Phật thuyết Ma-ha-diễn là lời của Ma, tức là phỉ báng ba đời chư Phật, cũng là oán lớn của tất cả chúng sanh. Đó là lời nói hết sức xấu ác, đáng thọ quả báo bất thiện cực trọng của ác khẩu. Như Phật có kệ:

*Người sống nơi cõi đời  
Trong miệng có búa rìu  
Tự chém hại thân mình  
Thấy đều do nghiệp ác.*

Những lời báng bỏ thô ác như vậy không phải lời tôi nói. Tôi, nay chỉ muốn khiến ông đừng khởi ý phỉ báng, vì lợi ích mà nói như vậy. Cũng như người bệnh ăn những món không nên ăn, thầy thuốc xem bệnh, cấm đoán không cho ăn. Cũng thế, vì thương mến ông, tôi muốn ông đừng dùng những lời thêu dệt nói Ma-ha-diễn là lời Ma.

*Chư Phật quá khứ đã nói Ma-ha-diễn.*

*Chư Phật vị lai sẽ nói Ma-ha-diễn.*

*Chư Phật hiện tại đang nói Ma-ha-diễn.*

Đây gọi là luận ngăn dứt sự hủy báng Ma-ha-diễn. Bạc Bồ-tát vì ngăn dứt sự phỉ báng Đại thừa nên mới diễn giảng luận phẩm: “Bước đầu vào Ma-ha-diễn”.

Hỏi: Ông đã ngăn chặn mọi người khiến không phỉ báng, nay phải như thế nào để vào Ma-ha-diễn.

Đáp: Trước hết, Bồ-tát phải đầy đủ chủng tính, tùy thuận hạnh thiện, hiểu biết sâu xa, nội tâm rộng lớn, giới phận rộng lớn, chủng tính rộng lớn. Chủng tính đã đầy đủ thì trong tâm cũng điều hòa mềm mỏng, dần dần tiêu bớt phiền não, bớt tham-sân-si, ham tu điều thiện, tụng tập siêng năng tinh tấn. Chúng sanh như vậy, sáu căn trở nên rộng lớn có thể phát đại nguyện muốn cầu Phật đạo. Về chủng tính và tướng mạo như lời Phật dạy: Bạc căn, tính hạ, phát ý đạo bậc hạ, sở nguyện bậc hạ. Bạc căn tính, trung phát ý đạo bậc trung, sở nguyện bậc trung. Bạc căn, tính, thượng phát ý đạo bậc thượng, sở nguyện cũng ở bậc thượng. Do đấy, chư Phật tùy theo căn tính chúng sanh, sử dụng tâm từ bi phân biệt mà giáo hóa.

Hỏi: Nếu chúng sanh mỗi người mỗi căn tính riêng thì tùy theo căn cơ, thuyết pháp như thế nào?

Đáp: Chúng sanh bậc thượng căn thì thuyết pháp tạng Bồ-tát thâm diệu, vì biết căn tính có thể hành được hạnh Bồ-tát nên thuyết tạng Bồ-tát.

Hỏi: Là tạng Bồ-tát thì trụ ở Địa nào?

Đáp: Đến bậc Địa giải thoát có mười thứ hành. Được nghe tạng Bồ-tát rồi, được mười thứ pháp hành, lia hành giải thoát liền được vào hạnh Bồ-tát. Mười hành đó là:

Một là: tu hạnh giải thoát của Bồ-tát, dù nhiều dù ít thấy đều tu tập.

Hai là: Tất cả pháp của Bồ-tát hiện có, dù nhiều dù ít thấy đều biên chép.

Ba là: Các pháp của tạng Bồ-tát, dù nhiều dù ít thấy đều cúng dường.

Bốn là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thấy đều truyền đọc.

Năm là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thấy đều nghe nhận.

Sáu là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thấy đều thọ trì.

Bảy là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thấy đều tu tập tụng đọc, dần dần thông hiểu.

Tám là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thấy đều vì người mà phân biệt diễn nói.

Chín là: Các pháp của Bồ-tát, dù nhiều ít thấy đều suy tư để khéo hiểu nghĩa lý.

Mười là: Các pháp của Bồ-tát dù nhiều ít, ở riêng một chỗ suy gẫm và tu tập để thêm sáng tỏ.

Đó là mười hành của Bồ-tát.

- Hành thứ tám là văn tuệ của Bồ-tát.

- Hành thứ chín là tư tuệ của Bồ-tát.

- Hành thứ mười là tu tuệ của Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát đạt Văn, Tư, Tu rồi thì vào hạnh gì?

Đáp: Đạt Bậc này rồi thì vào môn giải thoát.

Theo thứ tự như vậy, khi sanh Văn Tư Tu, thấy pháp giới rồi thì tu ba môn giải thoát.

Hỏi: Ba môn giải thoát là gì?

Đáp: Đó là hạnh Không, Vô tướng và Vô nguyện.

Hỏi: Sao gọi là « Không? »

Đáp: Quán sát ngã, nhân, chúng sanh đều không có tự thể, tánh tướng thường tịch (vắng lặng).

Hỏi: Làm sao hiểu rõ ý nghĩa được?

Đáp: Thế nhập mười hai nhân duyên.

Hỏi: Môn giải thoát “Không” có khác với mười hai nhân duyên không?

Đáp: Tướng của “Không” và mười hai nhân duyên không khác. “Không” tức là mười hai nhân duyên, mười hai nhân duyên tức là “Không” Vì sao? Vì nhân duyên giả mượn mà dấy khởi lên, không có tự thể. Như kệ của Tôn giả Long Thọ đã nói:

*Mười hai nhân duyên, “Không”  
Ta nay muốn thuyết giải  
Tạm gọi pháp nhân duyên  
Mà đây tức trung đạo.*

Tất cả các pháp thấy đều không tịch. Vì sao? Vì đều thuộc nhân duyên, không có thể tánh riêng.

Hỏi: Nếu tất cả các pháp do nhân duyên sanh sao lại thuyết là không có thể tánh?

Đáp: Nói nhân duyên là căn cứ nơi thế đế mà nói. Với Đế nhất nghĩa đế thì không có thể tính, cũng không có sanh. Đã không sanh ắt không diệt. Không sanh không diệt tức chân tịch diệt. Chân tịch diệt là tất cả các pháp tịch diệt. Nên tôi nói tất cả các pháp không có thể tánh.

Như trong Kinh Lão Mẫu, Thế Tôn nói: Ví như do người, do dùi, do trống, các duyên trên hòa hợp nên có tiếng trống phát ra. Như tiếng này, không ở tại ba đời, cũng không ở trong không ngoài, không ở giữa. Tánh nó là không tịch, không sanh, không diệt. Từ đó biết tất cả các pháp thể tính không tịch. Trong Kinh Lão Mẫu, Phật đã tự thuyết về “Không”. Do đó, bậc Bồ-tát trong vô lượng kiếp tu tập phúc đức, Thiền định, Trí tuệ thấy đều vào ba pháp môn giải thoát. Khéo quán sát sanh diệt thấy đều không tịch. Cũng như huyền, lửa bốc, thành Càn-thát-bà, cũng đồng như mộng hóa như lời Phật dạy:

*Trước ngộ mười hai duyên  
Chúng sanh thấy đều “Không”  
Một sát na có được  
Lửa, huyền, thành Càn thát.*

Thứ tự như vậy vào môn giải thoát “Không”, tâm được vui thích đạt được ý nghĩa, lợi lạc.

Hỏi: Các pháp ngoại đạo đều chấp trước ngã kiến. Làm sao ngăn dứt?

Đáp: Các pháp ngoại đạo như vậy đều chấp trước sắc tướng ở

trong, ở ngoài, chấp giữ ngã, ngã sở theo dòng sanh tử. Họ chấp trước nơi Ngã có thể ban cho thức ăn uống, tài lợi. Như vậy đủ loại đều dựa vào Kiến chấp Ngã, Kiến chấp chúng sanh. Họ chấp Ngã, Ngã sở là chấp vật tạo tác của Ngã, ví như cái bình, các vật của ta... loại như vậy gọi là chấp dựa vào ngã sở, và nghiệp của Ngã đã tạo. Với những chấp trước thiên lệch hoặc là một, hoặc là khác, hoặc cùng một là khác,, hoặc không một, không khác, họ chỉ dùng ngôn ngữ dối lừa thế gian và dối lừa chính mình. Vì ý nghĩa đó, nên trôi theo dòng chảy sanh tử, không hiểu nhân duyên, tánh các pháp là “không”.

Hỏi: Các ngoại đạo không hiểu nhân duyên mà khởi bốn chấp phạm những lỗi lầm nào?

Đáp: Phái Tăng khư có lỗi chấp một : tạo tác và tác giả là một, hình tướng của đối tượng, hình tướng của chủ thể là một; phần và hữu phần là một. Những loại tự như vậy gọi là lỗi chấp một.

Phái Ưu lâu khư chấp “khác”. Phái Ni-kiền-đà chấp “một, khác” đều có. Nhã-đề-tử chấp chẳng phải một chẳng phải khác. Các ngoại đạo và Ma-tha-la v.v... chấp “khác”. Tất cả đều không ngoài bốn loại chấp như trên.

Hỏi: Người phái Tăng khư nói: Sự tạo tác và tác giả là một, vậy lỗi như thế nào?

Đáp: Vì nói có hai nên không gọi là một. Sự tạo tác là nhân, tác giả là quả. Việc này không đồng, sao gọi là một. Nếu sự thực là khác mà nói là một thì đó là điên đảo. Vì sao? Vì tác giả tức là sự tạo tác. Tác và tác giả ở thời gian trước và sau, khác nhau, sao gọi là một ?

Hỏi: Trước và sau cũng là một hoạt dụng: Như khi hạt giống sanh mầm, tuy có trước sau nhưng tương tự nhau mà nối tiếp nhau nên gọi là một.

Đáp: Đây cũng có lỗi. Nếu sự tạo tác là trước, tác giả là sau thì cái sanh và cái chưa sanh khác nhau, sao lại là một. Ví như có (hữu) và bình, trọn không được song song. Cũng như bò và sừng không thể nhân nhau mà sanh. Sự tạo tác và tác giả cũng như vậy.

Lại nữa, còn lý do mà sự tạo tác và tác giả không là một. Vì âm thanh khác, nghĩa khác, nhân duyên khác, thời gian khác, chữ khác. Như vậy có rất nhiều lỗi. Nếu chỉ là một thì không nên có tên gọi hai. Thể tướng của âm thanh và nghĩa trước sau khác nhau, nên không thể là một.

Nếu sự tạo tác và tác giả là một thì đất sét và thợ gốm, bàn quay, sữa và đề hồ thủy đều là một, nhưng đã không thể, nên biết sự tạo tác,

tác giả không phải là một. Cũng như ngã và tâm không phải là một. Nếu là một thì tâm là vô thường, ngã cũng là vô thường. Do đó cho nên chấp sự tạo tác và tác giả, tướng và tướng giả; lượng và lượng giả; là một, thấy đồng bị phá. Những thuyết như: Có, một, bình v.v... cũng nên ngăn chấp, cho đến mền bông trắng, lá, màu xanh, dài, ngắn, vuông, tròn những kiến chấp như vậy tất cả đều ngăn phá.

Hỏi: Tỳ-xá sư chấp “khác”, có lỗi gì không?

Đáp: Nếu sự tạo tác và tác giả là khác biệt cũng có lỗi lớn.

Hỏi: Lỗi ấy như thế nào, xin giảng cho.

Đáp: Nếu bình và đất sét khác biệt thì để làm bình nên dùng tơ sợi, để làm mền bông nên dùng đất sét. Nhưng làm bình không thể dùng tơ sợi được nên biết không phải là khác.

Hơn nữa, đất sét do vi trần mà thành, bình do đất sét mà thành. Hoặ bình khác biệt đất sét thì bình tức không có “thể”, đất sét trở thành bình cho nên không được là khác. Đất sét, đối với vi trần thì là “tác giả”, đối với bình thì đất sét là “tác”. Nếu tác và tác giả là khác thì đất sét đối với vi trần, bình chỉ là tên gọi khác, không đúng là khác. Do vậy nên sự tạo tác và tác giả không thể là khác. Từ lông dạ thành chăn mền, từ cỏ bồ thành chiếu, đều cũng đồng nói như thế.

Tiếp nữa, nếu “có” “một” “bình” ba thứ khác biệt ắt tất cả pháp đều bị hoại. Vì sao? Nếu có “một” không phải “bình”, thì tách rời nên “có bình”. Nếu “có một” là “bình” ắt thành nhiều bình. Có “một” chẳng phải thì “có” cũng nên chẳng phải, tức là không có “bình”. vì nghĩa đó nên ông chấp khác tức là phá hoại tất cả các pháp.

Hỏi: Theo như thuyết này không hoại các pháp. Vì sao? Vì “có” “một” nương theo “bình” mà lập, như vậy thì “có” “một” và “bình” đều được thành lập.

Đáp: Nếu “có” “một” và “bình” hòa hợp thì cái một đó phải gọi là “bình”. Nếu “bình” và “có” “một” hòa hợp thì bình cũng gọi là “có” “một”. Đã hợp với “có” “một” thì không thể là khác.

Lại nữa, có và một khác biệt cũng như lỗi nói mền bông và màu trắng. Vì sao? Vì màu trắng không phải mền bông, mền bông không phải trắng, trắng với mền bông khác nhau, những vật khác cũng vậy. Như vậy, khi đốt mền bông, màu trắng lẽ ra không bị đốt. Nếu đốt mền bông mà màu trắng cũng bị cháy thì không thể là khác biệt. Nay ông nói: Vật khác thì tướng khác. Điều này không phải. Trước ông nói: Sáu sự mỗi mỗi đều khác. Điều này cũng nên ngăn dứt.

Hỏi: Ni-kiền-đà trước có thuyết một và khác đều có, thì có lỗi gì



không?

Đáp: Như ông nói một và khác đều có tức là, hoặc nói: tác và tác giả là một hoặc nói: tác và tác giả là khác biệt cũng có nhiều lỗi.

Hỏi: Có lỗi như thế nào?

Đáp: Nếu tác là tác giả, sự ấy không thành. Nếu tác khác biệt tác giả, sự cũng không thành. Vì sao? Nhân và quả khác nhau, sao là một được? Do các duyên mà thành quả nên cũng không thể khác. Tướng của tác và tướng của tác giả cũng đều như vậy.

Hỏi: Như tướng của bình bị phá mà thể không bị phá, do thể không bị phá nên được gọi là khác biệt, vì tướng đã mất mà thể vẫn còn đó. Hoặc lúc bình bị phá mà gốc thể là không thì không được là khác.

Đáp: Nếu nói là một tức, giống như thuyết của Tăng khư đã bị phá. Nếu nói là khác biệt, giống như thuyết của Tỳ-xá-sư đã bị phá. Cũng như lá xanh, mền bông trắng cũng đều bị phá.

Hỏi: Như thuyết của Nhã-đề-tử chấp không một không khác, thì có lỗi gì?

Đáp: Cả ba thuyết trước mỗi thuyết có một cách chấp. Nếu chấp không một thì tức phải là chấp khác nếu nói không khác tức phải là chấp một. Chỗ chấp kia là gì mà nói không một, không khác? Nếu không có gì chấp mà vọng có sở chấp thì tức phá hoại pháp tướng.

Hỏi: Ngài nói pháp Đại thừa là cũng không có gì để chấp, thì cũng nên cũng hoại tất cả pháp tướng?

Đáp: Chỗ chấp của tôi hiện thấy trên thế gian đó là pháp nhân duyên. Chỗ ông nói chỉ là điên đảo không thuận với pháp tướng.

Hỏi: Thế nào là pháp tướng? Mà nói tôi hoại pháp tướng?

Đáp: Không có thể tướng đó chính là thể tướng.

Hỏi: Tại sao không có thể tướng làm thể tướng?

Đáp: “Không” gọi là không có thể tướng.

Hỏi: Tại sao gọi là không? Từ cái “có” để lập “không” hay từ “không có” mà lập “không”.

Đáp: Tôi không từ ý nghĩa của “có” để lập “không”, cũng không từ nghĩa của “không” để lập “không”. Do lìa nơi “có, không” nên gọi là “không”. Như Tôn giả Long Thọ nói:

*Chấp có gọi là thường*

*Chấp không tức là đoạn*

*Nếu lìa chỗ có, không*

*Gọi là chân thực không.*

Tiếp nữa trong Trung Luận, Tôn giả có kệ:

*Chấp “có” thì chấp thủ thể tướng  
Chấp “không” thì vướng không có “thể”  
Không còn chấp giữ ở có, không  
Đó chính gọi là chân thật quán.*

Từ đó, do lia “có, không” mà gọi là “không”. Là đoạn, thường gọi là trung đạo. Nếu có thể giác ngộ được pháp tướng như vậy nên gọi là Phật. Vậy nên ý nghĩa của mười hai nhân duyên gọi là “không”.

Hỏi: Mười hai nhân duyên lấy chứng cứ gì để biết là “không” ?

Đáp: Thí dụ như bình, đất sét, bàn xoay cho đến thợ gốm. Nhiều duyên hòa hợp sau đó thành bình. Không phải đất sét là bình, cũng không phải rời đất sét mà có bình. Chỉ là mượn tên gọi nói là bình phụ thuộc vào nhân duyên không có “thể” tướng riêng. Không có “thể”, tướng nên không sanh, không sanh nên “thể”, tướng tịch diệt. Do nhân duyên mà thành nên không có “thể”. Nếu các pháp xác định là có tự thể thì không cần dựa vào nhân duyên... không thể có như vậy. Do không tự tướng nên không có bình, bình không có nên tất cả pháp cũng không có.

Tôn giả Đề-bà có kệ:

*Nếu một pháp là có tự thể,  
Thì các pháp khác cũng đều như vậy,  
Tất cả pháp vốn không tậht có  
Do nhân duyên nên thấy đều “không”.  
Quán sát thật một pháp, các pháp,  
Thấy đều là tướng chẳng hai  
Hiểu rõ, xác thật nó “không” rồi,  
Thì thấy tất cả pháp đều “không”.*

Hỏi: Có phải từ nhân duyên sanh ra pháp tức là thể tướng?

Đáp: Điều này không đúng. Vì sao? Như có “thể”, tướng hay không “thể” tướng cũng không liên quan đến điều ông nói. Như ông nói lấy nhân duyên làm thể tướng. Nhân duyên dựa bên ngoài sanh khởi, làm sao có tự thể? Gọi là thể tướng tức từ tự tánh sanh khởi không thuộc nhân duyên. Nếu phụ thuộc nhân duyên tức không có tự tánh. Cũng như vay mượn tức là không tự có. Do đó nhân duyên dựa trên pháp khác mà thành, không có tự thể, như Tôn giả Long Thọ có kệ:

*Pháp do nhân duyên sanh  
tức không có tự tánh  
Nếu không có tự tánh  
Sao lại có thể tướng.*

Hỏi: Thế tướng của các pháp, Thế gian hiện thấy, sao lại nói không có ư?

Đáp: Điều này không đúng. Kẻ phàm phu vọng thấy, điều này không đáng tin.

Pháp sanh diệt đều là “không”. Sanh diệt nhanh chóng không có lúc tạm dừng. Do tướng tương tự và tương tục nên vọng kiến thấy là thực. Cũng như đèn cháy sáng sanh và diệt niệm niệm nối tiếp nhau, người phàm phu nói là một ngọn lửa. Cũng như nước chảy xiết, như bóng, tiếng vang, như huyễn, như lửa nóng bốc hơi... Như Phật dạy: Huyễn và huyễn giả đều không gì là có mà vọng thấy cho là thật. Nếu là thật thì Nga quý không phải nhìn nước mà thấy là lửa, thấy cát đá, là máu mủ,... Chúng sanh tùy nghiệp báo thiện ác mà thấy. Nếu chúng sanh lợi căn, tâm tịnh ắt có thể thấy chúng là “không”. Dạ-xoa, nga quý ở xa thấy nước, đến gần thấy là lửa liền sanh nghi hoặc. Nếu vật có thật thì không có hai lần thấy khác nhau. Do có hai lần thấy khác đó nên biết là không thực, chỉ là vọng thấy.

Vì vậy biết tất cả các pháp đều không có « thể », tướng, do không có “thể” tướng nên đều không có sanh diệt.

Hỏi: Nếu tất cả các pháp đều không sanh không diệt, tại sao lại có các lỗi đến, đi, chấp đoạn, thường?

Đáp: Do thấy chủng tử bèn cho là đến, đi. Nếu đạt được pháp “không” ắt lìa đoạn, thường. Như do chủng tử hạt giống mà có mầm, cành lá, hoa quả theo thứ tự mà thấy, mầm sanh thì chủng tử diệt. Đó là không đoạn. Cho đến quả sanh thì hoa diệt cũng không có lỗi thường. Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

*Các pháp tương tục có  
Không phải là đoạn diệt  
Nhân diệt thì quả sanh  
Nên không gọi là thường.*

Do vậy, thấy nhân duyên là “không” tức lìa khỏi đoạn và thường.

Hỏi: Do nhân duyên si nên có hành, vì sao được lìa nơi đoạn thường?

Đáp: Do vô minh nên có hành thiện, hành ác cho đến nhân nơi sinh mà có lão, tử. Phàm phu không hiểu lý nhân duyên tương tục mà vọng cho là thật. Thế của vô minh là “không”, nên “thể” của hành cũng “không”, cho đến “thể” của sanh cũng là không, “thể” lão, tử cũng là không. Vì thế gian mà tạm gọi là có sự kế tiếp, tương tục, nên không

có lỗi đoạn diệt. Niệm niệm không dừng trụ, không có lỗi thường. Do chúng sanh phàm phu chết nơi đây sanh nơi kia đó là tướng tương tự, tương tục. Cho nên, như lời Phật dạy: Trong nghĩa đệ nhất đế không có chúng sanh chết ở đây, sanh bên kia. Chỉ vì thế đế tạm gọi như thế mà nó. Thức làm chủng tử (hạt giống), hành nghiệp làm thừa ruộng, lấy đất kiêu mạn phủ lên, vô minh làm phân bón, nước ái để tưới thấm, tinh khí của cha và mẹ hòa hợp với duyên sanh mầm danh, sắc, cho nên danh sắc không có tự thể. Cũng như chân giường mượn nhờ nhau mà dùng. Cái khởi đầu của thai gọi là Ca-la-la, thứ hai là An-phù-đà; thứ ba là Nhục đoạn, thứ tư là Kiên thực, thứ năm là các thứ trong bào thai khai trương, thứ sáu là xúc, pháp sanh theo thứ tự mượn nhờ nhau mà có, nên không gọi là đoạn. Bồ-tát khéo hiểu rõ pháp nhân duyên tức biết nó là “không”. Vì nhân duyên là “không” nên hết thấy pháp “không”. Pháp đã hiểu là “không” nên không có lỗi đoạn và thường. Trong kinh Xuất Thai, Phật có kệ:

*Tùy mượn lập danh tự,  
Mà được có các pháp  
Trong danh không có pháp,  
Đó tức là chân thực.*

Do vậy, không nói năng mới là pháp. Nếu đã tùy thuộc danh tự mà có các pháp, thì pháp tức nhiều thể. Nếu cùng như pháp “không” thì không có một thể cũng không nhiều thể.

Hỏi: Nói tất cả pháp đều là không có “thể”, e rằng ông có lỗi vì hiện thấy là có.

Đáp: Nếu các pháp là “có”, nói là “không” ắt có lỗi. Pháp đã không có sao nói là lỗi? Do đó các pháp lúc đầu, lúc sau cũng như vậy. Nếu các pháp xác định là có “thể” tướng, sau khi vào Niết-bàn lẽ ra phải đoạn diệt. Nếu trước không phải là “không”, sau nói là “không” ắt là tà kiến làm hoại chánh pháp, cũng không có giải thoát.

Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

*Chẳng “không” mà thấy “không”  
Ta nên đắc Niết-bàn  
Tà kiến, không Niết-bàn  
Như Lai giảng điều này.*

Các pháp gốc là “không” nên mãi mãi thấy là “không”. Như chư Phật quá khứ thấy tướng “không”, nay cũng thấy tướng “không”. Nên tôi nói pháp nhân duyên là “không”, điều này không có lỗi. Như vậy trước tiên lập đệ nhất nghĩa đế, sau mới phân biệt lập thế đế, thì ngã và

chúng sanh, tác và tác giả cho đến là một, là khác biệt đều không có lỗi ấy. Như Tôn giả Long Thọ có kệ:

*Không nói phân biệt đế,  
không đạt đến thật đế.  
Nếu không đạt thật đế,  
hẳn không đạt Niết-bàn.*

Tiếp lại có kệ:

*Chư Phật diễn nói pháp  
Thường nương theo hai đế  
Phân biệt nói thế đế  
Và đệ nhất nghĩa đế  
Nếu không phân biệt được  
Chân và tục, hai đế  
Như vậy ắt không biết  
Nghĩa thâm diệu pháp Phật.*

Cho nên, pháp nhân duyên là “không”, gọi là chân như, pháp tánh, thực tế. Đó gọi là tu tập thiền đệ nhất nghĩa thấy nhân duyên là không tức là pháp môn giải thoát Không. Nếu thấy “không” tức chẳng thấy tướng của các pháp, đó gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng. Thấy được vô tướng, nên không còn chỗ mong cầu, đó gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện. An trụ trong ba pháp môn giải thoát như vậy, chủng tử thức ở trong tam giới sẽ không sanh mầm danh sắc, Thức không còn chấp trước sẽ diệt khổ của ba cõi. Khổ nơi ba cõi diệt thì đạt đến Niết-bàn tịch diệt. Như Tôn giả Đề-bà có kệ:

*Thức là nghĩa chủng tử  
Lưu hành trong sáu cõi  
Thấy các trần là không  
Các mầm liền đoạn diệt.*

Hỏi: Bồ-tát vượt “không”, ra khỏi sanh tử, tại sao lại được thù thắng hơn bậc Thanh văn?

Đáp: Bồ-tát được lợi tại thế gian, và xuất thế gian, vượt qua các cảnh giới, tuy xuất thế gian nhưng vẫn có thể trụ ở thế gian để giáo hóa chúng sanh.

Bậc Thanh văn thì không thể như vậy. Bậc Thanh-văn sợ hãi sanh tử cầu chóng diệt độ, theo đạo xuất thế gian thấy được pháp giới. Thấy pháp giới rồi, đến bờ Niết-bàn. Bồ-tát không như vậy. Vì sao? Bồ-tát thấy cái khổ của chúng sanh khởi tâm đại bi, vì muốn độ qua bờ kia nên kiên trì trụ trang nghiêm nơi a-tăng-kỳ kiếp tu hành đạo xuất thế

gian. Trong khoảng một niệm quán tất cả pháp giới, quán pháp giới rồi tạo duyên với chúng sanh, không giữ lấy quả chứng mà có khả năng độ thoát. Như trong kinh A-nậu-đại-trì, Phật dạy: Có hai người từ đỉnh núi bị trượt ngã. Một người có sức, có phương tiện tốt và nhờ phương tiện tốt nên tuy ngã nhưng lại lên được đỉnh. Một người sức yếu, lại không phương tiện liền rơi xuống lại không thể lên được. Bậc Bồ-tát trong pháp vô vi, không chứng không chấp, như người khéo léo đã lên được đỉnh núi. Bậc Thanh-văn chứng chấp nơi vô vi, như người ít phương tiện, rơi xuống không lên lại được.

Ví như có vị Trưởng giả chỉ có một con. Vì mất mùa đói kém nên đến một nước xa, qua mười năm sau vị Trưởng giả ấy ở một thành lớn, trở nên giàu có, nhiều châu báu, có người giúp việc bèn trở về nước. Bồ-tát có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ công đức đến các cảnh giới trí tuệ, hưởng tới Niết-bàn. Do lòng thương xót chúng sanh nên quay lại vào sanh tử ở trong a-tăng-kỳ kiếp chịu khổ nhọc lâu dài. Thừa Bồ-tát Ma-ha-tát cũng gọi là thừa đại khổ, cầu quả vô thượng không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả thừa Thanh-văn, thừa Bích-chi Phật, đầy đủ tất cả công đức trí tuệ, nên siêu vượt qua các cảnh giới. Thế nào Bồ-tát, thừa là thừa đại khổ ? Ví như có người đi thuyền vào biển, gặp phong ba bão tố, nhiều nạn như thế. Người cùng thuyền do tâm khủng hoảng sanh ra nhiều sợ hãi, nhưng lúc đó thuyền trưởng khéo giữ tay buồm, nên vượt qua các nạn, là người có phúc đức, đã vượt qua nạn rồi, còn thu tìm được châu báu... Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi biển sanh tử cũng lại như vậy, vì kẻ tri thức ác không tin vào hiểm nạn, hưởng vào cõi ác.

A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu hạnh trí địa tịnh cầu giải thoát tịnh.

A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu hạnh thiên định tịnh.

A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, tu hạnh trí tuệ tịnh để dứt trừ các chướng ngại của cảnh giới.

Do đó thừa Bồ-tát gọi là thừa khổ. Đầy đủ mười địa, lúc đó được không nghi, không chướng ngại, đầy đủ tất cả hành, đắc quả Bồ-đề vô thượng. Do vậy nhờ trí biết cảnh giới mà thành tựu quả lớn.

